BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

4

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 1

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Nguyễn Hoàng | An | 01/01/1992 | | 8 | 8 | 6 | 7.3 | Bảy Ba | |
| 2 | Nguyễn Thị Mỹ | An | 13/11/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 3 | Trần Đoan | Anh | 23/05/1994 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 4 | Phạm Hoàng | Anh | 14/09/1993 | | / | / | / | / | / | |
| 5 | Trương Lữ Nguyệt | Anh | 06/02/1992 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 6 | Lê Thị Việt | Anh | 14/12/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 7 | Phạm Loan | Anh | 24/05/1994 | | 7 | 5 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 8 | Nguyễn Thị Hồng | Anh | 11/01/1994 | | 7 | 5 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 9 | Thạch Thị Sa | Bene | 06/02/1992 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 10 | Đoàn thị Ngọc | Bích | 03/08/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 11 | Võ Thị Cẩm | Bình | 20/04/1993 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 12 | Bành Gia | Bội | 20/10/1994 | | 7 | 6 | 8 | 7.0 | Bảy Không | |
| 13 | Lê Hải | Châu | 31/10/1992 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 14 | Trương Lê Ngọc | Châu | 28/01/1990 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 15 | Lê Hồng | Chiến | 09/11/1993 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 16 | Nguyễn Thanh | Chung | 10/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 17 | Trần Minh | Cường | 20/08/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 18 | Nguyễn Văn | Danh | 26/10/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 19 | Nguyễn | Dư | 15/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 20 | Nguyễn Mỹ Thùy | Dương | 10/01/1993 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 21 | Lê Thị Thùy | Dương | 18/03/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 2

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Ngô Minh | Dương | 09/10/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 2 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 25/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 3 | Nguyễn Thị Thùy | Dương | 11/08/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 4 | Nguyễn Hoàng | Dương | 01/04/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 5 | Lâm Thị Mỹ | Dung | 15/09/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 6 | Nguyễn Thị Kim | Dung | 26/12/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 7 | Huỳnh Minh | Duy | 23/03/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 8 | Trần Thị Thanh | Duyên | 01/05/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 9 | Trần Thị | Duyên | 25/09/1994 | | 6 | 5 | 5 | 5.3 | Năm Ba | |
| 10 | Nguyễn Thanh | Giầu | 15/04/1994 | | 6 | 5 | 5 | 5.3 | Năm Ba | |
| 11 | Phạm Nguyễn Trường | Giang | 06/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 12 | Đỗ Thị Lệ | Giang | 20/11/1992 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 13 | Phạm Thị | Giàu | 19/01/1994 | | 7 | 7 | 8 | 7.3 | Bảy Ba | |
| 14 | Lê Thái thị Ngọc | Hân | 05/08/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 15 | Lê Hoài | Hận | 22/07/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 16 | Trần Trương Anh | Hậu | 20/08/1993 | | | | | | | |
| 17 | Trần Thị Thanh | Hằng | 28/01/1994 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm bảy | |
| 18 | Trần Thị | Hằng | 25/08/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 19 | Phạm Thị | Hằng | 11/04/1994 | | 8 | 5 | 8 | 7.0 | Bảy Không | |
| 20 | Trang Phạm Vũ | Hạ | 22/09/1993 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 21 | Nguyễn Thị | Hạnh | 22/11/1994 | | 8 | 5 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 22 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 3

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Huỳnh Thị Hồng | Hạnh | 25/06/1994 | | | | | | | |
| 2 | Cao Thị | Hạnh | 22/08/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 3 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 04/11/1993 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 4 | Trần Ngọc | Hà | 07/01/1993 | | 5 | 6 | 7 | 6.0 | Sáu Không | |
| 5 | Nguyễn Hoàng | Hà | 25/03/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 6 | Trần Thu Thanh | Hà | 13/04/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 7 | Nguyễn Thị Việt | Hà | 02/04/1993 | | | | | | | |
| 8 | Nguyễn Thị Thu | Hà | 24/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 9 | Phạm Ngọc Đông | Hải | 11/05/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 10 | Ngô Văn | Hải | 04/12/1992 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 11 | Vi Văn | Hải | 04/05/1992 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 12 | Lê Phan Thanh | Hải | 28/02/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 13 | Nguyễn Ngọc Hồng | Hảo | 28/09/1993 | | 6 | 7 | 8 | 7.0 | Bảy Không | |
| 14 | Đặng Thị | Hảo | 15/01/1993 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 15 | Nguyễn Thị | Hiền | 24/04/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy Không | |
| 16 | Nguyễn Thị Thu | Hiền | 22/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 17 | Phan Minh | Hiệp | 18/02/1994 | | | | | | | |
| 18 | Trần Phi | Hiệp | 21/03/1993 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 19 | Võ Trí | Hiếu | 28/06/1994 | | 6 | 7 | 8 | 7.0 | Bảy Không | |
| 20 | Nguyễn Thị Minh | Hiếu | 20/10/1993 | | 7 | 5 | 7 | 5.7 | Năm bảy | |
| 21 | Trần Trung | Hiếu | 02/07/1993 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 4

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Nguyễn Chí | Hiếu | 25/07/1994 | | | | | | | |
| 2 | Trần Hòa | Hiếu | 15/08/1992 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 3 | Nguyễn Thị Hồng | Hoa | 22/03/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 4 | Nguyễn Thị Thu | Hồng | 15/07/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 5 | Quách Ý | Hồng | 11/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 6 | Đoàn Thị Thu | Hoài | 18/06/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 7 | Nguyễn Văn | Hoàn | 13/08/1993 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 8 | Lâm Minh | Hoàng | 17/02/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 9 | Nguyễn Ngọc | Hoàng | 09/05/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 10 | Huỳnh Văn | Hoàng | 07/10/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 11 | Nguyễn Thanh | Hoàng | 18/01/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 12 | Lê Huỳnh | Hưng | 15/03/1993 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 13 | Nguyễn Minh | Hưng | 09/01/1992 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 14 | Nguyễn Duy | Hưng | 16/11/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 15 | Tôn Trần Văn | Hưng | 01/06/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 16 | Nguyễn Thành | Hưng | 20/02/1993 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 17 | Trương Thanh | Hòa | 12/02/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 18 | Trương Kiết | Hòa | 11/05/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 19 | Hứa Hồng | Hòa | 09/01/1993 | | | | | | | |
| 20 | Vũ Thị Kim | Hương | 14/02/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 21 | Phạm Thị | Hường | 26/06/1994 | | 8 | 5 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 5

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Mai Thị Xuân | Hường | 20/04/1993 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 2 | Nguyễn Thị | Huệ | 14/12/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 3 | Lương Phan | Hùng | 27/09/1993 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 4 | Huỳnh Cảnh | Hùng | 08/09/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 5 | Hoàng Phi | Hùng | 29/06/1994 | | 7 | / | / | / | / | |
| 6 | Phạm Thị Thanh | Huyền | 15/11/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 7 | Tô Thị Ngọc | Huyền | 22/06/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 8 | Nguyễn Thị Mỹ | Huyền | 10/10/1992 | | 9 | 8 | 6 | 7.7 | Bảy Bảy | |
| 9 | Đinh Thúy | Huyền | 25/08/1994 | | 6 | 5 | 7 | 6.0 | Sáu Không | |
| 10 | Phùng Ngọc Thanh | Huyền | 13/08/1994 | | 6 | 5 | 7 | 6.0 | Sáu Không | |
| 11 | Vũ Thị Mỹ | Huyên | 01/01/1994 | | 8 | 6 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 12 | Phạm Thị Tuyết | Kha | 24/08/1993 | | 6 | 8 | 5 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 13 | Trần Minh | Kha | 04/11/1994 | | 6 | 8 | 5 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 14 | Nguyễn Phi | Khanh | 29/06/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 15 | Nguyễn Đình | Khải | 24/06/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 16 | Nguyễn Duy | Khánh | 17/07/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm bảy | |
| 17 | Nguyễn Duy | Khoa | 09/02/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy Không | |
| 18 | Trần Đăng | Khoa | 16/10/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 19 | Vũ Thị Kim | Kiều | 30/07/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 20 | Trương Hoàng | Lâm | 04/03/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 21 | Phạn Thanh | Lâm | 12/10/1994 | | 8 | 7 | 7 | 7.3 | Bảy ba | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 6

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Trần Thanh | Lâm | 01/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 2 | Cao Chi | Lăng | 07/11/1994 | | 7 | 6 | 8 | 7.0 | Bảy Không | |
| 3 | Hà Thị Thanh | Lam | 31/05/1993 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | Lan | 11/10/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 5 | Mai Thị Kim | Lan | 15/09/1993 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 6 | Nguyễn Thị Nhật | Lệ | 10/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 7 | Tô Kiều Mai | Liên | 20/9/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 8 | Lê Tiêu Ngọc | Liên | 26/01/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 9 | Ngô Thị Hoài | Liên | 05/07/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 10 | Phạm Thị Trúc | Liên | 19/09/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 11 | Nguyễn Thị Trúc | Linh | 13/09/1993 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 12 | Nguyễn Thị Thùy | Linh | 10/10/1993 | | 7 | 8 | 5 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 13 | Hoàng Thùy | Linh | 08/04/1994 | | | | | | | |
| 14 | Nguyễn Ngọc Mỹ | Linh | 24/10/1994 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 15 | Nguyễn Thị Hoàng | Linh | 20/05/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 16 | Lê Thị Mỹ | Linh | 04/12/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 17 | Võ Thị Mỹ | Linh | 24/01/1994 | | | | | | | |
| 18 | Dương Thị Mỹ | Linh | 21/08/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 19 | Huỳnh Thị Phương | Linh | 29/10/1994 | | | | | | | |
| 20 | Lương Loan | Loan | 05/06/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 21 | Lê Thị Kiều | Loan | 25/12/1993 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
## KHÓA 14 (2012 - 2015)
## NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 7

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Nguyễn Thị Mỹ | Loan | 20/05/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 2 | Ngô Ngọc | Loan | 08/12/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 3 | Lê Văn | Lợi | 12/10/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 4 | Nguyễn Dũng Thanh | Long | 18/05/1994 | | 7 | 5 | 6 | 6.0 | Sáu không | |
| 5 | Lê Hoàng | Long | 23/10/1994 | | / | / | / | / | / | |
| 6 | Trần Hoàng | Luân | 15/04/1994 | | 9 | 8 | 8 | 8.3 | Tám ba | |
| 7 | Nguyễn Thị | Ly | 27/11/1994 | | 9 | 7 | 7 | 7.7 | Bảy bảy | |
| 8 | Lại Thị Yên | Lý | 14/02/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 9 | Trần Thị Tuyết | Mai | 07/12/1994 | | 8 | 6 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 10 | Nguyễn Hồ Như | Mai | 19/07/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 11 | Trần Thị Ngọc | Mai | 09/03/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 12 | Nguyễn Tường | Mạnh | 08/07/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 13 | Trần Gia | Mãnh | 18/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu không | |
| 14 | Võ Thị Diệu | Mỹ | 21/09/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 15 | Hoàng Khánh | Mỹ | 19/08/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 16 | Hà Quyền | Đại | 19/11/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 17 | Huỳnh Thế | Đạt | 22/04/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 18 | Hồ Thái | Đạt | 23/09/1994 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm bảy | |
| 19 | Nguyễn Tấn | Đạt | 02/11/1992 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 20 | Nguyễn Thành | Nam | 28/03/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 21 | Trần Thị Hồng | Đào | 06/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu không | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 8

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Lý Thị Hồng | Đào | 05/12/1994 | | 6 | 5 | 6 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 2 | Nguyễn Thị | Nga | 02/03/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 3 | Trần Thanh | Nga | 19/01/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 4 | Nguyễn Thị Tố | Nga | 06/07/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 5 | Phạm Lý Hồng | Nga | 15/04/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 6 | Võ Thị Kim | Ngân | 10/08/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 7 | Nguyễn Thị Tuyết | Ngân | 12/06/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 8 | Văn Tuyết | Ngân | 06/07/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 9 | Nguyễn Võ Thị Kim | Ngân | 01/08/1994 | | 7 | 5 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 10 | Dương Thúy | Ngân | 28/07/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 11 | Võ Thị Bích | Ngân | 10/03/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 12 | Phạm Thị Mỹ | Ngà | 22/07/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm Bảy | |
| 13 | Phạm Thị Kim | Ngọc | 02/03/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy Không | |
| 14 | Hồ Thị Mỹ | Ngọc | 05/07/1993 | | | | | | | |
| 15 | Nguyễn Thị Kim | Ngọc | 24/09/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 16 | Nguyễn Thị Tuyết | Ngọc | 31/08/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 17 | Trần Thị Bích | Ngọc | 18/04/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 18 | Nguyễn Ánh | Ngọc | 28/03/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 19 | Nguyễn Thị Hồng | Ngọc | 08/12/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 20 | Trần Thị Bích | Ngọc | 02/02/1994 | | 7 | 6 | 5 | 6.0 | Sáu Không | |
| 21 | Phạm Thị Bích | Ngọc | 03/05/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu ba | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 9

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Nguyễn Như | Ngọc | 29/11/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 2 | Nguyễn Xuân | Nguyên | 13/08/1994 | | 6 | 5 | 5 | 5.3 | Năm Ba | |
| 3 | Nguyễn Phương Thảo | Nguyên | 20/03/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 4 | Huỳnh Thị Lệ | Nguyên | 03/02/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 5 | Lý Trung | Nhân | 24/03/1994 | | 6 | 8 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 6 | Võ Đỗ Minh | Nhật | 22/03/1994 | | 6 | 7 | 5 | 6.0 | Sáu Không | |
| 7 | Võ thị Thanh | Nhàn | 14/12/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 8 | Bùi Thị Thu | Nhàn | 13/09/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 9 | Tạ Dương Yến | Nhi | 10/12/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 10 | Lê Nguyễn Diệu | Nhi | 21/09/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 11 | Nguyễn Thị Ái | Nhi | 08/03/1994 | | 9 | 7 | 6 | 7.3 | Bảy Ba | |
| 12 | Đỗ Huỳnh Ngọc | Nhi | 26/12/1994 | | 6 | 7 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 13 | Phạm Trần Yến | Nhi | 29/12/1994 | | 6 | 6 | 8 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 14 | Võ Thị Yến | Nhi | 17/07/1994 | | 7 | 6 | 5 | 6.1 | Sáu Một | |
| 15 | Lý Huỳnh Yến | Nhi | 01/08/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 16 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 29/05/1994 | | 6 | 7 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 17 | Trần Thị Quý | Nhị | 06/10/1993 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 18 | Trần Ngọc Huỳnh | Như | 22/03/1994 | | | | | | | |
| 19 | Phan Nguyễn Quỳnh | Như | 15/12/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 20 | Nguyễn Phương Minh | Nhựt | 01/01/1994 | | | | | | | |
| 21 | Dương Hồng | Nhung | 18/06/1994 | | 6 | 7 | 5 | 6.0 | Sáu Không | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 10

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Vũ Lê Kim | Nhung | 08/11/1994 | | 7 | 5 | 6 | 6.0 | Sáu không | |
| 2 | Huỳnh Thị Hồng | Nhung | 29/09/1993 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 3 | Bùi Thị Tuyết | Nhung | 19/05/1994 | | 8 | 7 | 6 | 7.0 | Bảy không | |
| 4 | Nguyễn Trần | Đông | 26/04/1994 | | 7 | 8 | 6 | 7.0 | Bảy không | |
| 5 | Nròng | Noe | 13/02/1993 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy không | |
| 6 | Nguyễn Thị Kim | Oanh | 27/11/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 7 | Nguyễn Ngọc Hoàng | Oanh | 15/08/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 8 | Trịnh Tấn | Phát | 22/08/1993 | | 8 | 8 | 5 | 7.0 | Bảy không | |
| 9 | Võ Tấn | Phát | 29/11/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 10 | Lý Băng | Phi | 22/12/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 11 | Lê Thị | Phượng | 20/09/1994 | | 7 | 8 | 7 | 7.3 | Bảy Ba | |
| 12 | Đoàn Nguyễn Hà | Phương | 23/10/1994 | | | | | | | |
| 13 | Võ Ngọc | Phương | 21/09/1994 | | 7 | 8 | 6 | 7.0 | Bảy không | |
| 14 | Võ Kim | Phương | 21/09/1994 | | 7 | 8 | 7 | 7.3 | Bảy Ba | |
| 15 | Lê Thị Mai | Phương | 18/03/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 16 | Phan Chân | Phương | 19/02/1991 | | | | | | | |
| 17 | Tạ Thị Hiền | Phương | 20/08/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 18 | Lê Trần Mỹ | Phụng | 13/05/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy không | |
| 19 | Hoàng Phi | Phụng | 19/02/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy không | |
| 20 | Nguyễn Ngọc | Phụng | 07/09/1994 | | 7 | 8 | 6 | 7.0 | Bảy không | |
| 21 | Nguyễn Hoàng | Phú | 01/10/1994 | | 7 | 8 | 7 | 7.3 | Bảy ba | |
| 22 | | | | | | | | | | |
| 23 | | | | | | | | | | |

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BẢNG ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
# KHÓA 14 (2012 - 2015)
# NGÀNH: TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG

**Đại đội 4**

Tiểu đội 11

| STT | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | KÝ TÊN | ĐIỂM SỐ | | | | ĐIỂM CHỮ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | HP1 | HP2 | HP3 | TBC | | |
| 1 | Lê Thị Ngọc | Phú | 28/04/1993 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 2 | Trần Tích | Phú | 24/02/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 3 | Phạm Hoàng | Phúc | 11/10/1994 | | 6 | 6 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 4 | Tiết Ái | Quân | 09/05/1994 | | 7 | 7 | 6 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 5 | Kỳ Thi | Quân | 20/02/1994 | | 8 | 7 | 6 | 7.0 | Bảy Không | |
| 6 | Nguyễn Vũ | Quang | 19/11/1994 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 7 | Nguyễn Thanh | Quang | 19/02/1994 | | 7 | 6 | 5 | 6.0 | Sáu Không | |
| 8 | Lý Ngọc | Quyên | 02/01/1994 | | / | / | / | / | / | |
| 9 | Nguyễn Thị | Quyên | 23/07/1993 | | 7 | 5 | 6 | 6.0 | Sáu Không | |
| 10 | Võ Thị Tố | Quyên | 02/09/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 11 | Nguyễn Lê | Quyên | 22/01/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu Bảy | |
| 12 | Cao Đinh Khánh | Quỳnh | 14/06/1994 | | 8 | 8 | 7 | 7.7 | Bảy Bảy | |
| 13 | Trung Hữu | Sang | 21/12/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 14 | Tô Thanh | Sơn | 13/10/1994 | | 7 | 6 | 6 | 6.3 | Sáu Ba | |
| 15 | Hồ Thanh | Sơn | 02/01/1993 | | 8 | 6 | 7 | 7.0 | Bảy Không | |
| 16 | Nguyễn Hồng | Sơn | 06/07/1993 | | 6 | 6 | 7 | 6.3 | Sáu ba | |
| 17 | Huỳnh Thị Thu | Sương | 11/01/1994 | | 7 | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy | |
| 18 | Hoàng Thị | Tấm | 03/05/1994 | | 7 | 8 | 6 | 7.0 | Bảy Không | |
| 19 | Lê Thị Thanh | Tâm | 15/02/1994 | | 7 | 7 | 7 | 7.0 | Bảy Không | |
| 20 | Nguyễn Hoàng | Tâm | 11/04/1994 | | 6 | 6 | 5 | 5.7 | Năm bảy | |
| 21 | | | | | | | | | | |
| 22 | | | | | | | | | | |